| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CÔN ĐẢO**<br>**TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 13/2022/HS-ST
Ngày: 28-9-2022

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÔN ĐẢO, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà*: Bà Trần Thị Mỹ Dung
*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Lê Mạnh Hậu
Bà Thái Thị Thủy

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Đắc Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022 tại Nhà văn hóa khu dân cư số 1, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 12/2022/TLST-HS ngày 13 tháng 9 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 9 năm 2022 đối với bị cáo:

**Lê Tấn Đ**, sinh năm: 1988 tại Hậu G; Hộ khẩu thường trú: Ấp Thạnh Phú, xã Hỏa Lựu, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu G; Chổ ở: Khu dân cư số 7, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Minh L và bà Pn Thị H; Vợ: Đỗ Kiều O (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2011; Bị cáo là con lớn nhất trong gia đình có hai anh em; Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 06-3-2017 bị Tòa án nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong án phạt tù ngày 24-9-2017; Ngày 26-6-2019 bị Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên G xét xử phạt 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành

xong án phạt tù ngày 15-11-2020; bị bắt tạm giữ ngày 03-6-2022, chuyển tạm giam ngày 09-6-2022, "Có mặt".

- *Bị hại:* Bà Nguyễn Thị Hương G, sinh năm 1983 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu dân cư số 7, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Danh Thị H, sinh năm: 1969 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khu dân cư số 5, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Ông Hồ Văn P, sinh năm 1992 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khu dân cư số 5, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Ông Võ Văn T, sinh năm 1970 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu dân cư số 2, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

4. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1998 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu dân cư số 3, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

5. Ông Huỳnh Ngọc P, sinh năm 1975 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khu dân cư số 3, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

6. Ông Nguyễn Son P, sinh năm 1987 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu dân cư số 7, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

7. Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1979 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khu dân cư số 6, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

8. Bà Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1985 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu dân cư số 3, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu năm 2022, chị Nguyễn Thị Hương G và Lê Tấn Đ quen biết nhau qua mạng xã hội Facebook. Đến ngày 26-3-2022, Đ chuyển về sống chung như vợ chồng với chị G tại Phòng B2, Chung cư Thu nhập thấp thuộc khu dân cư số 7, huyện Côn Đảo. Quá trình sống chung với nhau, Đ thường mượn xe mô tô hiệu Honda Vision màu xanh, biển kiểm soát 72L1 - 012.28 của chị G làm phương tiện đi lại. Ngày 31-5-2022, do nhiều người đòi nợ nên Đ nảy sinh ý định lấy xe mô tô của chị G đi cầm để lấy tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân. Khoảng 11 giờ cùng ngày, sau khi ăn cơm trưa, Đ vào phòng ngủ của chị G lấy chìa khóa xe trên tủ gần đầu giường và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 72L1 - 012.28

đựng trong chiếc rổ nhựa để trên bàn làm việc. Sau đó, Đ nói với chị G là đi qua cảng Bến Đầm lấy hàng rồi đi xuống tầng hầm của chung cư lấy xe. Đ điều khiển xe đi xuống nhà trọ của Võ Văn T tại khu dân cư số 2, huyện Côn Đảo nhờ T đi cầm xe vì thiếu nợ nhiều người không đi cầm được. T thấy Đ thường xuyên sử dụng xe mô tô trên nên nghĩ là xe của Đ nên đồng ý. Đ đưa xe và giấy chứng nhận đăng ký xe cho T. T nhờ Nguyễn Văn N đưa đến tiệm rửa xe của bà Danh Thị H trên đường Trần Phú cầm chiếc xe trên cho anh Hồ Văn P với giá 11.000.000đồng (mười một triệu đồng) dưới hình thức thỏa thuận miệng và không đề cập đến lãi suất. Sau khi nhận tiền, Nghĩa chở T về phòng trọ gặp Đ. Vì trước đó Đ nợ T 1.000.000đồng nên T chỉ đưa lại cho Đ 10.000.000 đồng.

Sau khi nhận tiền, Đ dùng trả nợ cho nhiều người, cụ thể: Trả cho anh Huỳnh Ngọc P 1.000.000đồng; anh Nguyễn Son P 1.000.000đồng; anh Nguyễn Ngọc T 2.000.000đồng và chị Nguyễn Thị Cẩm T 1.000.000đồng. Còn lại 5.000.000 đồng Đ tiêu xài cá nhân hết, không có khả năng chuộc lại xe trả cho chị G.

Đến khoảng 07 giờ ngày 01-6-2022, chị Nguyễn Thị Hương G xuống nhà xe của chung cư để lấy xe đi chợ thì không thấy xe nên gọi điện thoại, nhắn tin liên lạc với Lê Tấn Đ nhiều lần yêu cầu Đ mang xe về nhưng Đ đều không nghe máy nên trình báo quản lý Chung cư. Sau đó, chị G kiểm tra và phát hiện Đ đã lấy giấy chứng nhận đăng ký xe, chị G lo sợ Đ mang xe đi cầm hoặc đi bán nên trình báo Công an huyện Côn Đảo. Quá trình điều tra, Lê Tấn Đ đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên (BL: 104 - 117).

Ngày 02-6-2022, bà Danh Thị H sau khi biết xe mô tô hiệu Honda Vision màu xanh, biển kiểm soát 72L1 - 012.28 là tài sản do phạm tội mà có nên đã tự nguyện giao nộp xe và giấy chứng nhận đăng ký xe cho Cơ quan cảnh sát điều tra (BL: 78).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 02/KL.HĐĐGTS ngày 06-6-2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Côn Đảo xác định: Xe mô tô hiệu Honda Vision màu xanh, biển kiểm soát 72L1 - 012.28, có tổng giá trị là 13.000.000 đồng (mười ba triệu đồng) (BL: 71 - 72).

Sau khi biết tiền Lê Tấn Đ trả nợ cho mình do phạm tội mà có, anh Huỳnh Ngọc P, anh Nguyễn Son P, chị Nguyễn Thị Cẩm T và Võ Văn T tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra mỗi người 1.000.000đồng, anh Nguyễn Ngọc T tự nguyện giao nộp 2.000.000đồng. Tổng số tiền 05 người giao nộp là 6.000.000 đồng (BL: 73 - 76).

** Về xử lý vật chứng:*

- Đối với xe mô tô hiệu Honda Vision màu xanh biển kiểm soát 72L1 - 012.28, số khung: 5807EY469180, số máy: JF58E0354847 và giấy chứng nhận đăng ký xe số 000735 mang tên Nguyễn Thị Hương G do Công an huyện Côn Đảo cấp: Ngày 28-6-2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Côn Đảo đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại xe mô tô và giấy chứng nhận cho chị Nguyễn Thị Hương G (BL: 21, 79).

- Hiện đang tạm giữ số tiền 6.000.000 đồng của anh Huỳnh Ngọc P, anh Nguyễn Son P, chị Nguyễn Thị Cẩm T, Võ Văn T và anh Nguyễn Ngọc T tự nguyện giao nộp.

** Về trách nhiệm dân sự:* Chị Nguyễn Thị Hương G đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

* Đối với anh Nguyễn Son P, anh Nguyễn Ngọc T, anh Huỳnh Ngọc P, anh Võ Văn T và chị Nguyễn Thị Cẩm T là người được Lê Tấn Đ trả nợ: Anh P, anh T, anh P, anh T và chị T không biết đây là tiền do phạm tội mà có nên không xem xét trách nhiệm hình sự.

* Đối với người cầm cố xe mô tô hiệu Honda Vision BKS 72L1 - 012.28: Bà Danh Thị H và anh Hồ Văn P không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên không xem xét trách nhiệm hình sự.

* Đối với số tiền 11.000.000đồng bà H và anh P không yêu cầu Lê Tấn Đ hoàn trả lại nên không xem xét.

* Đối với hành vi nhận cầm cố tài sản mà không có đăng ký kinh doanh dịch vụ cầm đồ của bà H, anh P, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã chuyển đội Quản lý hành chính, Công an huyện Côn Đảo ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá nêu trên.

Bản cáo trạng số 13/CT-VKSCĐ ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Côn Đảo truy tố Lê Tấn Đạt về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm g Khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố, đúng tội, không oan sai.

- Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm đối với bị cáo, đồng thời xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Kiểm sát viên tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố: Bị cáo Lê Tấn Đ phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

- Áp dụng điểm g Khoản 2 Điều 175; điểm s Khoản 1 Điều 51; Khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Tấn Đ mức án từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm tù.

- Về xử lý vật chứng: Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 6.000.000đồng (Sáu triệu đồng).

- Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong nên không xét đến.

Bị cáo nhất trí với bản luận tội của Kiểm sát viên, không có ý kiến tranh luận.

Bị hại không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện Côn Đảo, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Côn Đảo, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở để xác định vào khoảng 11h ngày 31-5-2022, lợi dụng sự tin tưởng của bị hại giao chiếc xe mô tô biển số 72L1 - 012.28 cho bị cáo làm phương tiện đi lại, sau đó bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt nên đã đem cầm cho anh Hồ Văn P lấy số tiền 11.000.000đ (Mười một triệu đồng). Trước đây vào các năm 2017 và năm 2019 bị cáo đã từng bị Tòa án nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên G xử phạt tù về tội "Trộm cắp tài

sản” nên hành vi lần này của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” với tình tiết định khung “Tái phạm nguy hiểm” được quy định tại điểm g Khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Côn Đảo truy tố bị cáo với tội danh nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là thanh niên khỏe mạnh, không lao động chân chính để nuôi sống bản thân mà lấy việc chiếm đoạt tài sản của người khác để có tiền tiêu xài cá nhân. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức hình phạt thật nghiêm khắc, mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại và tại phiên tòa bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo nhận thấy được chính sách khoan hồng của Nhà nước mà yên tâm cải tạo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm đối với bị cáo nên không xét đến.

- Đối với số tiền 11.000.000đồng, bà Danh Thị H và ông Hồ Văn P không yêu cầu bị cáo hoàn trả lại nên không xem xét.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các ông bà Nguyễn Son P, Nguyễn Ngọc T, Huỳnh Ngọc P, Võ Văn T và Nguyễn Thị Cẩm T không có yêu cầu gì đối với bị cáo nên không xét đến.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền 6.000.000đồng của các ông bà Huỳnh Ngọc P, Nguyễn Son P, Nguyễn Thị Cẩm T, Võ Văn T và Nguyễn Ngọc T tự nguyện giao nộp, các ông bà này không yêu cầu nhận lại nên tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

[6] Về các vấn đề khác:

- Đối với các ông bà Nguyễn Son P, Nguyễn Ngọc T, Huỳnh Ngọc P, Võ Văn T và Nguyễn Thị Cẩm T là người được bị cáo trả nợ: Các ông bà này không biết đây là tiền do phạm tội mà có nên không xem xét trách nhiệm hình sự là đúng quy định của pháp luật.

- Đối với người cầm cố xe mô tô hiệu Honda Vision BKS 72L1 - 012.28: Bà Danh Thị H và ông Hồ Văn P không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên không xem xét trách nhiệm hình sự đúng quy định của pháp luật.

- Đối với hành vi nhận cầm cố tài sản mà không có đăng ký kinh doanh dịch vụ cầm đồ của bà H và ông P, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã chuyển đội Quản lý hành chính, Công an huyện Côn Đảo ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm g Khoản 2 Điều 175; điểm s Khoản 1 Điều 51 và Khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Tấn Đ phạm tội "Lạm dụng tính nhiệm chiếm đoạt tài sản".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lê Tấn Đ 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ là ngày 03-6-2022.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).

*(Vật chứng nêu trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Côn Đảo đang quản lý theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 13-9-2022).*

4. Về án phí: Bị cáo Lê Tấn Đ phải chịu 200.000đồng (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- PV 06 CA tỉnh BR-VT;
- PC 10 CA tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Côn Đảo;
- Công an huyện Côn Đảo;
- Chi Cục THADS huyện Côn Đảo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Mỹ Dung**